

Số: 02/2020/QĐST- KDTM

Hà Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; điểm c mục 1.4 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2020/TLST- KDTM ngày 12 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân B thành phố H; địa chỉ: SN 273, đường Nguyễn Thái H, tổ 07, phường Trần P, TP H. Đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Quốc C; chức vụ: Giám đốc.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn N; Địa chỉ: Tổ 12, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 01, phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Ông N ủy cho bà H tham gia tố tụng).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Ninh Quốc C và bà Phạm Thị H cùng thống nhất thỏa thuận xác nhận số tiền bà H ông N còn nợ Quỹ TDND B tiền gốc là 527.000.000đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2020 là 922.431.600đ. Tổng gốc và lãi là 1.449.431.600đ.

- Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn N có trách nhiệm trả cho Quỹ TDND B số tiền nợ gốc là 527.000.000đ (*Năm trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Thời hạn trả nợ cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 15/6/2020 trả 100.000.000đ;

+ Lần 2: Ngày 15/7/2020 trả 200.000.000đ;

+ Lần 3: Ngày 15/8/2020 trả 227.000.000đ.

- Phần lãi suất: Không yêu cầu giải quyết.

- Trường hợp bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ TDND B thành phố H thì Quỹ TDND B có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 2015-07/HĐTC ngày 10/3/2015 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà H ông N đối với Quỹ tín dụng nhân dân B đó là: Quyền sử dụng diện đất 1.457.0m² thửa số 46, 46^B, tờ bản đồ số 7; phía Bắc giáp đất ông Trần Việt L; phía Nam giáp núi đá; phía Tây giáp đất nhà bà L, ông B, núi đá; phía Đông giáp núi đá; trong đó có 327,5m² là đất ở; 1129,5m² là đất vườn; theo giấy chứng nhận QSDĐ số CB0669934 ngày 03/8/2004 cấp cho hộ ông Hoàng Văn Ninh; địa chỉ thửa đất: (Tổ 34, phường Trần Phú cũ), nay là tổ 01 phường Ngọc Hà, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang trên đất có 01 nhà xây 2 tầng khung bê tông cốt thép, tường chịu lực 110 (cộng một tum), tổng diện tích 2 tầng một tum là 249,51m² (*có biên bản thẩm định, sơ đồ chi tiết kèm theo*). Số tiền phát mại tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho khoản nợ gốc 527.000.000đ còn lại của bà Hoa ông Ninh theo hợp đồng tín dụng số 2015-1-00012, ngày 12/3/2015, nếu còn thừa sẽ được trả lại cho bên thế chấp là bà H ông N, nếu thiếu bà H ông N phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H.

5. Về chi phí Thẩm định: Quỹ tín dụng nhân dân B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000đ (*đã thi hành xong*).

6. Về án phí:

- Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Văn N phải liên đới mỗi người chịu 1/2 số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 12.540.000đ (*Mười Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân B thành phố H số tiền tạm ứng án phí 27.741.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01494 ngày 11/02/2020 (do ông Bùi Phú T nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP.HG;
- C.C THA DSTP;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình